



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG

ngày tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Quản lý Chất lượng
Laboratory:	Quality Management Department
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Công ty cổ phần cao su Lai Châu
Organization:	Lai Chau rubber joint stock company
Số hiệu/ Code:	VILAS 1584
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Hóa, Cơ
Field:	Chemical, Mechanical
Người quản lý:	Nguyễn Văn Tuấn
Laboratory manager:	Nguyen Van Tuan
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày / 07 / 2025 đến ngày / 07 / 2030
Địa chỉ:	Đường Thanh Niên, tổ 5, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
Address:	Thanh nien Street, group 5, Tan Phong ward, Lai Chau province
Địa điểm:	Bản Phiêng Chá, Xã Nậm Tăm, tỉnh Lai Châu
Location:	Phieng Cha village, Nam Tam commune, Lai Chau province
Điện thoại/ Tel:	02133.793.963
Email:	caosulaichau@gmail.com
Website:	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ***Field of testing: Chemical, Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cao su thiên nhiên SVR <i>Rubber natural SVR</i>	Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0,01 ~ 0,2) %	TCVN 6089:2016 (ISO 249:2016)
2.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A <i>Determination of ash content A method</i>	(0,1 ~ 1,2) %	TCVN 6087:2010 (ISO 247:2006)
3.		Xác định hàm lượng Nitơ Phương pháp bán vi lượng <i>Determination of Nitrogen content Semi-micro method</i>	(0,1 ~ 0,8) %	TCVN 6091:2016 (ISO 1656:2014)
4.		Xác định hàm lượng chất bay hơi Phương pháp tủ sấy - Quy trình A <i>Determination of volatile-matter content Oven method – A process</i>	(0,05 ~ 1,2) %	TCVN 6088-1:2014 (ISO 248-1:2011)
5.		Xác định độ dẻo Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh <i>Determination of plasticity Rapid plastimeter method</i>	(1 ~ 100) Wallace	TCVN 8493:2010 (ISO 2007:2007)
6.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) <i>Determination of plasticity retention index (PRI)</i>	(50,4 ~ 78) %	TCVN 8494:2020 (ISO 2930:2017)

Ghi chú/ Note:

Trường hợp Công ty cổ phần cao su Lai Châu cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần cao su Lai Châu phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Lai Chau rubber joint stock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*